

Số: 2996/QĐ-UBND

Điềm Thụy, ngày 08 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình
thực hiện dự toán ngân sách xã Điềm Thụy 09 tháng năm 2026**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐIỆM THỤY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Thông tư số 133/2025/TT-BTC ngày 24/12/2025 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 20/12/2025 của HĐND xã Điềm Thụy về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước xã Điềm Thụy năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Điềm Thụy về việc giao dự toán ngân sách nhà nước xã Điềm Thụy năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số 232/TTr-KT ngày 07/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Điềm Thụy 09 tháng năm 2026.

- Mẫu biểu công khai: Mẫu số 54, 55, 56.1 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã Điềm Thụy 09 tháng năm 2026 chi tiết kèm theo.

- Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở UBND xã và đăng tải trên Trang thông tin điện tử xã Điềm Thụy.

- Thời điểm công khai: Thực hiện ngay sau khi Quyết định được ban hành, bảo đảm thời hạn công khai theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc niêm yết, đăng tải phải bảo đảm đầy đủ nội dung, biểu mẫu, thuận tiện cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, theo dõi và giám sát.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đối chiếu, chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và thống nhất của số liệu công khai; tham mưu xử lý, điều chỉnh kịp thời nếu phát hiện sai sót theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật. Tổ chức niêm yết Quyết định và các tài liệu công khai kèm theo tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã; theo dõi, lưu hồ sơ thực hiện công khai theo quy định.

Giao phòng Văn hóa - Xã hội được giao quản lý Trang thông tin điện tử của xã đăng tải đầy đủ Quyết định và các biểu mẫu, tài liệu thuyết minh kèm theo; bảo đảm thông tin đăng tải thống nhất với tài liệu đã được phê duyệt và công khai.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã Diêm Thụy, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ xã;
- Các cơ quan, đơn vị, ban ngành, đoàn thể;
- Các Trưởng xóm trên địa bàn xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Long

THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
XÃ ĐIỀM THỤY 09 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 08/10/2026 của UBND xã Điềm Thụy)

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 20/12/2025 của HĐND xã Điềm Thụy về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước xã Điềm Thụy năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND xã Điềm Thụy về việc giao dự toán ngân sách nhà nước xã Điềm Thụy năm 2026;

Căn cứ kết quả tổng hợp thực hiện thu, chi ngân sách xã Điềm Thụy 09 tháng năm 2026, Ủy ban nhân dân xã thuyết minh một số nội dung trong thực hiện dự toán ngân sách 09 tháng năm 2026 như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã

Tổng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2026 tính giao 246.292 triệu đồng, HĐND xã giao 249.792 triệu đồng. Thực hiện đến ngày 30/9/2026 là 486.506,0 triệu đồng, bằng 197,5% dự toán tính giao, bằng 194,8% dự toán HĐND xã giao, trong đó:

- Thu thuế, phí, lệ phí: 292.321,2 triệu đồng, bằng 644,0% dự toán (45.392 triệu đồng); trong đó: thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước 171.729,1 triệu đồng (dự toán 4.300 triệu đồng); thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 74.217,6 triệu đồng, bằng 473,0% dự toán; thu khác ngân sách 24.114,8 triệu đồng, bằng 482,3% dự toán; các loại phí, lệ phí 16.922,2 triệu đồng, bằng 99,5% dự toán (trong đó lệ phí trước bạ 16.172,7 triệu đồng, bằng 107,1% dự toán); thuế thu nhập cá nhân 4.959,2 triệu đồng, bằng 165,3% dự toán; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 166,7 triệu đồng, bằng 38,8% dự toán.

- Thu tiền sử dụng đất: 184.002,8 triệu đồng, bằng 91,6% dự toán (200.900 triệu đồng); trong đó ghi thu tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được đối trừ vào tiền sử dụng đất của 02 dự án theo Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 27/02/2026: 31.860,4 triệu đồng.

- Thu từ các khoản huy động, đóng góp: 10.182,0 triệu đồng, bằng 290,9% dự toán HĐND xã giao (3.500 triệu đồng).

2. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh

- Thu bổ sung cân đối: 86.792,8 triệu đồng, bằng 76,0% dự toán (114.201 triệu đồng).

- Thu bổ sung có mục tiêu: 109.363,6 triệu đồng, bằng 128,2% dự toán (85.320 triệu đồng).

3. Thu chuyển nguồn, thu kết dư và các khoản thu khác của ngân sách xã

- Thu chuyển nguồn ngân sách xã từ năm 2025 sang năm 2026: 300.180,3 triệu đồng.

- Thu kết dư ngân sách năm 2025: 1.036,8 triệu đồng; thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 2.561,0 triệu đồng.

4. Chi ngân sách xã

Dự toán chi ngân sách xã năm 2026 tỉnh giao 293.051 triệu đồng, HĐND xã giao 398.702 triệu đồng. Tổng chi cân đối ngân sách xã lũy kế đến ngày 30/9/2026 là 500.668,3 triệu đồng (bao gồm cả chi từ nguồn năm 2025 chuyển sang và chi từ nguồn ghi chi tiền sử dụng đất các dự án; không bao gồm chi chuyển giao 198.717,3 triệu đồng), trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 332.652,2 triệu đồng, trong đó:
 - + Chi tạm ứng từ nguồn chuyển nguồn năm 2025 chuyển sang: 108.349 triệu đồng;
 - + Chi từ nguồn ghi chi tiền sử dụng đất các dự án (bồi thường, giải phóng mặt bằng được đối trừ vào tiền sử dụng đất): 31.860,4 triệu đồng;
 - + Chi từ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 và các nguồn vốn đầu tư khác: 192.442,8 triệu đồng. Trong đó, kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 đến ngày 08/9/2026 đạt 135.848 triệu đồng, bằng 76,4% kế hoạch vốn giao (177.752 triệu đồng).
- Chi thường xuyên: 168.016,1 triệu đồng, bằng 71,6% dự toán tỉnh và HĐND xã giao (234.673 triệu đồng), trong đó:
 - + Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo: 90.810,6 triệu đồng, chiếm 54,0% tổng chi thường xuyên;
 - + Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: 774,3 triệu đồng;
 - + Chi các lĩnh vực còn lại (quản lý hành chính, đảm bảo xã hội, y tế, quốc phòng, an ninh, sự nghiệp kinh tế, môi trường, văn hóa, thể dục thể thao, phát thanh, truyền hình và các nhiệm vụ khác): 76.431,2 triệu đồng.
- Dự phòng ngân sách: theo số liệu của Kho bạc, đến ngày 30/9/2026 chưa phát sinh chi tại mục dự phòng ngân sách.

5. Tình hình giải ngân vốn đầu tư công

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 giao trên địa bàn xã là 177.752 triệu đồng. Kết quả giải ngân đến ngày 08/9/2026 đạt 135.848 triệu đồng, bằng 76,4% kế hoạch vốn giao. Trong 09 tháng đầu năm 2026, UBND xã đã phê duyệt chủ trương đầu tư, lập, phê duyệt và triển khai xây dựng 29 công trình, dự án (04 dự án chuyển tiếp, 25 dự án mới), trong đó 16 dự án sử dụng vốn đầu tư công, 13 dự án sử dụng vốn sự nghiệp, nông thôn mới; tổng mức đầu tư 646,028 tỷ đồng (vốn đầu tư công 440,93 tỷ đồng; vốn sự nghiệp, nông thôn mới và MTTQ tỉnh 23,098 tỷ đồng).

Kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2026 là 13.007 triệu đồng (vốn đầu tư 9.576 triệu đồng, vốn sự nghiệp 3.431 triệu đồng) và 259 tấn xi măng, trong đó: ngân sách trung ương 3.802 triệu đồng; ngân sách tỉnh 7.000 triệu đồng và 259 tấn xi măng; ngân sách xã 2.205 triệu đồng.

6. Đánh giá chung và nhiệm vụ, giải pháp 3 tháng cuối năm 2026

6.1. Đánh giá chung

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 9 tháng năm 2026 đạt 486.506,0 triệu đồng, bằng 194,8% dự toán HĐND xã giao, vượt cao so với dự toán cả năm; chủ yếu nhờ thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (171.729,1 triệu đồng), thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (bằng 473,0% dự toán) và thu khác ngân sách (bằng 482,3% dự toán) tăng cao. Thu tiền sử dụng đất đạt 91,6% dự toán, còn 16.897,2 triệu đồng chưa đạt dự toán. Thu phí, lệ phí đạt 99,5% dự toán; thu huy động, đóng góp đạt 290,9% dự toán. Một số khoản thu còn đạt thấp như thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (38,8%), thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo (29,7%), thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (69,8%).

Chi ngân sách được điều hành trong phạm vi dự toán, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; bảo đảm chi tiền lương, các khoản có tính chất lương, hoạt động bộ máy, an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh. Chi thường xuyên đạt 71,6% dự toán, cơ bản phù hợp tiến độ 9 tháng. Giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 đến ngày 08/9/2026 đạt 76,4% kế hoạch vốn giao.

6.2. Nhiệm vụ, giải pháp 3 tháng cuối năm 2026

- Phối hợp Thuế cơ sở 2 tỉnh Thái Nguyên đơn đốc thu tiền sử dụng đất, phần đầu thu đạt và vượt dự toán (còn 16.897,2 triệu đồng); tăng cường quản lý thu, chống thất thu, thu hồi nợ đọng thuế; tập trung các khoản thu còn đạt thấp như thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

- Quyết liệt chỉ đạo, điều hành công tác giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch từng tháng, phần đầu hoàn thành 100% kế hoạch vốn năm 2026; thường xuyên kiểm tra, đơn đốc các chủ đầu tư, đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ thực hiện, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán các công trình, dự án; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là về giải phóng mặt bằng và thủ tục đầu tư.

- Quản lý, điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, đúng dự toán; hạn chế tối đa bổ sung ngoài dự toán; sử dụng dự phòng ngân sách đúng quy định.

- Đánh giá, ước thực hiện thu, chi ngân sách cả năm 2026; tập trung xây dựng dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2027 bảo đảm chất lượng, sát thực tiễn, trình HĐND xã theo quy định; thực hiện công khai ngân sách theo quy định./.

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP 9 THÁNG NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 08/10/2026 của UBND xã Diêm Thụy)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Phát Sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=3/1	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	250.192.000.000	486.506.042.799	486.506.042.799	194	1.585
I	Thu nội địa không kể dầu thô	246.692.000.000	476.324.042.799	476.324.042.799	193	1.557
II	Thu về dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
IV	Thu Viện trợ					
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	449.313.000.000	931.780.922.374	931.780.922.374	207	249
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp		431.846.526.722	431.846.526.722		1.412
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%		302.294.663.152	302.294.663.152		996
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %		129.551.863.570	129.551.863.570		51.872
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	199.521.000.000	196.156.337.652	196.156.337.652	98	57
1	Bổ sung cân đối	114.201.000.000	86.792.760.000	86.792.760.000	76	274
2	Bổ sung có mục tiêu	85.320.000.000	109.363.577.652	109.363.577.652	128	35
III	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		2.561.000.000	2.561.000.000		
IV	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		300.180.274.908	300.180.274.908		21.425

VI	Thu kết dư		1.036.783.092	1.036.783.092		1.144
C	TỔNG CHI NSDP		699.385.616.008	699.385.616.008		145
I	Chi cân đối ngân sách địa phương		500.668.278.356	500.668.278.356		357
1	Chi đầu tư phát triển		332.652.221.269	332.652.221.269		1.943
2	Chi thường xuyên theo lĩnh vực		168.016.057.087	168.016.057.087		137
3	Chi trả lãi, phí tiền vay					
4	Chi viện trợ					
5	Chi cho vay					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN					
8	Các nhiệm vụ chi khác					
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
IV	Chi chuyển giao		198.717.337.652	198.717.337.652		58

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN 9 THÁNG NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 08/10/2026 của UBND xã Diêm Thụy)

Đơn vị: Đồng

ST T	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Phát sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	250.192.000.000	486.506.042.799	486.506.042.799	194	1.585
I	Thu nội địa không kể dầu thô	246.692.000.000	476.324.042.799	476.324.042.799	193	1.557
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo	170.000.000	50.535.315	50.535.315	30	49
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	200.000.000	139.537.360	139.537.360	70	175
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	15.692.000.000	74.217.592.265	74.217.592.265	473	1.268
4	Thuế thu nhập cá nhân	3.000.000.000	4.959.189.937	4.959.189.937	165	489
5	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan thuế thực hiện					
6	Các loại phí, lệ phí	17.000.000.000	16.922.237.223	16.922.237.223	100	319
	Trđó: Lệ phí trước bạ	15.100.000.000	16.172.685.924	16.172.685.924	107	318
7	Các khoản thu về nhà, đất	205.630.000.000	355.898.562.975	355.898.562.975	173	1.971
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	430.000.000	166.664.283	166.664.283	39	130
-	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	4.300.000.000	171.729.092.895	171.729.092.895	3.994	34.339
-	Thu tiền sử dụng đất	200.900.000.000	184.002.805.797	184.002.805.797	92	1.056
-	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu					

	<i>nhà nước</i>					
8	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công					
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
10	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển		21.600.000	21.600.000		
11	Thu tiền cấp quyền khai thác vùng biển					
12	Thu khác ngân sách	5.000.000.000	24.114.787.724	24.114.787.724	482	12.859
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
14	Thu hồi vốn, cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN					
-	<i>Thu hồi vốn của Nhà nước tại các tổ chức kinh tế</i>					
-	<i>Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước</i>					
II	Thu về dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế xuất khẩu					
2	Thuế nhập khẩu					
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu					
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu					
5	Thuế bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam					
6	Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu					
7	Thu khác					
IV	Thu Viện trợ					
V	Các khoản huy động, đóng góp		10.182.000.000	10.182.000.000		10.182
B	Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác					

1	Hoàn thuế GTGT					
2	Thuế TTĐB					
3	Hoàn các khoản thu khác					
C	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP		431.846.526.722	431.846.526.722		1.412
1	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP		129.551.863.570	129.551.863.570		51.872
2	Thuế GTGT (phần NSDP hưởng 30%)					
3	Các khoản thu NSDP hưởng 100%		302.294.663.152	302.294.663.152		996

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN 9 THÁNG NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 08/10/2026 của UBND xã Diêm Thụy)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện		So sánh (%)	
			Phát Sinh	Lũy kế	Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ	398.702.000.000	699.385.616.008	699.385.616.008		145
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	398.702.000.000	500.668.278.356	500.668.278.356		357
I	Chi đầu tư phát triển	147.752.000.000	332.652.221.269	332.652.221.269		1.943
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	147.752.000.000	332.652.221.269	332.652.221.269		
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi trả lãi, phí tiền vay					
III	Chi thường xuyên theo lĩnh vực	239.267.000.000	168.016.057.087	168.016.057.087		137
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	135.923.000.000	90.810.553.363	90.810.553.363		113
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	982.000.000	774.306.248	774.306.248		
IV	Chi cho vay					
V	Chi viện trợ					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách nhà nước	5.149.000.000				
VIII	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế	3.034.000.000				
IX	Các nhiệm vụ chi khác	3.500.000.000				

B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP					
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách					
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia					